

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NHA TRANG
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2025/DS-ST
Ngày 26 tháng 5 năm 2025
V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Bảo Trâm
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Thị Bồi
Bà Nguyễn Thị Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kiều Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang - Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 394/2024/TLST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2025/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 45/2025/QĐST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên V (trước đây là Ngân hàng T3)

Địa chỉ trụ sở: Số A N, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Đào Ngọc T, sinh năm 1982; Địa chỉ: A L, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (Văn bản ủy quyền số 311/2024/UQ-OCEANBANK.11.01 ngày 04/5/2024); có mặt.

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn T1, sinh năm 1991

Địa chỉ: Căn hộ C, Chung cư C - Khu đô thị V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Trung H, sinh năm 1996

Ông Trịnh Gia L, sinh năm 1963

Cùng địa chỉ: G đường B, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Ông H, ông L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đào Ngọc T trình bày:*

Ông Phạm Văn T1 vay vốn tại Ngân hàng T3 - nay là Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên V (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) các khoản sau:

- Khoản vay 1: Theo Hợp đồng cho vay số 230/2022-HĐCV/OCEAN BAN K.CNNHATRANG ngày 16/12/2022 và các Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay số 230/2022-HĐCV-SĐBS01/OCEANBANK560-PVT ngày 17/10/2023, số 230/2022-HĐCV-SĐBS02/OCEANBANK560-PVT ngày 11/7/2024: Số tiền vay là 1.000.000.000 đồng; Mục đích vay: vay hoàn ứng vốn tự có để mua nhà ở tại thửa đất số 75, tờ bản đồ số 6, địa chỉ: số G đường B, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; Thời gian vay: 420 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 19/12/2022), hạn trả nợ cuối cùng là ngày 19/12/2057; Lãi suất cho vay ban đầu: 13,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; Lãi suất cho vay hiện tại: 11,3%/năm; Phương thức trả gốc, lãi: vào ngày 15 hàng tháng.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay trên là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 75, tờ bản đồ số 6, tại địa chỉ: G đường B, phường V (nay là phường V), thành phố N, tỉnh Khánh Hòa theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 230/2022-HĐTC/OCEANBANK.CNNHATRANG ngày 16/12/2022, được công chứng cùng ngày. Tài sản thế chấp được đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định. Tại thời điểm xét duyệt hồ sơ cho ông T1 vay vốn, Ngân hàng đã thẩm định tài sản thế chấp, thông báo nội dung thế chấp cho người đang sinh sống trên đất là ông Trịnh Gia L và ông L cũng có ký văn bản cam kết bàn giao tài sản trên cho Ngân hàng trong trường hợp ông T1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Đối với khoản vay này, ông T1 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 169.329.579 đồng (trong đó, tiền gốc: 21.428.577 đồng, tiền lãi: 147.901.002 đồng); do ông T1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nhiều kỳ liên tiếp nên khoản vay nêu trên đã bị chuyển nợ quá hạn kể từ ngày 15/08/2024.

- Khoản vay 2: Theo Đề nghị mở thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ dụng quốc tế O ngày 12/01/2023 của ông Phạm Văn T1, Ngân hàng phát hành thẻ tín dụng số 4364 xxx 5241; cấp hạn mức tín dụng là 50.000.000 đồng vào số tài khoản 56056000104800061; Thời hạn cấp hạn mức tín dụng: từ ngày 12/01/2023 đến hết ngày 12/01/2026; Lãi suất: 22%/năm. Tuy nhiên, trong 3 kỳ liên tiếp, ông T1 không đóng giá trị tối thiểu với số tiền là 5% giá trị đã sử dụng theo như cam kết nên thẻ tín dụng đã chuyển sang khoản vay nhận nợ bắt buộc.

Quá trình thực hiện hai hợp đồng trên, ông T1 đã liên tiếp vi phạm các kỳ trả nợ, mặc dù Ngân hàng gửi văn bản đôn đốc nhưng đến nay ông T1 vẫn không thực hiện theo đúng cam kết. Tính đến hết ngày 26/5/2025, ông T1 còn nợ của Ngân hàng tổng số tiền là: 1.168.074.098 đồng, trong đó:

- Khoản vay 1: Dư nợ 1.120.973.534 đồng (trong đó, nợ gốc là 978.571.423 đồng; lãi trong hạn là 137.832.093 đồng, lãi quá hạn là 1.247.202 đồng, tiền phạt trên lãi chậm trả là 3.322.816 đồng).

- Khoản vay 2: Dư nợ 47.100.555 đồng (trong đó, nợ gốc là 37.749.116 đồng; lãi quá hạn là 9.351.439 đồng).

Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T1 phải trả các khoản nợ nêu trên và tiền lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 27/5/2025 cho đến khi ông T1 thanh toán hết nợ cho Ngân hàng. Trường hợp ông T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp theo quy định để Ngân hàng thu hồi nợ.

* Theo bản tự khai ngày 30/12/2024 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phạm Văn T1 trình bày: Về các giao dịch vay tiền, nội dung thế chấp, số tiền vay vốn, số tiền còn nợ thì ông thống nhất như đại diện hợp pháp của Ngân hàng trình bày. Về tài sản thế chấp là nhà, đất tại thửa đất số 75, tờ bản đồ số 6, tại địa chỉ: số G đường B, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa có nguồn gốc do ông nhận chuyển nhượng từ bạn của ông là ông Trịnh Lê H1 và đã được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất vào sổ cấp GCN số CS00371 ngày 13/12/2022 đứng tên ông. Do chưa có nhu cầu sử dụng nhà, đất trên nên ông cho những người thân của ông H1 là ông L, ông H ở nhờ từ khi mua nhà, đất đến nay. Thời điểm ông làm thủ tục vay vốn tại Ngân hàng, Ngân hàng đã đến thẩm định tài sản thế chấp và ông L đã ký vào văn bản cam kết bàn giao tài sản trên cho Ngân hàng trong trường hợp ông vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông thừa nhận nhiều lần vi phạm nghĩa vụ trả nợ mặc dù Ngân hàng đã nhắc nhở, tạo điều kiện cho ông trả nợ. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông đồng ý trả số tiền nợ gốc, nợ lãi, các khoản lãi, phí phát sinh theo yêu cầu của Ngân hàng nhưng do tình hình kinh tế khó khăn, ông đề nghị Ngân hàng G thời hạn tất toán hai khoản vay trên chậm nhất vào 31/3/2025; sau khi ông thanh toán xong khoản nợ trên thì đề nghị Ngân hàng trả lại cho ông bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông mà Ngân hàng đang lưu giữ; trường hợp đến hết thời hạn nêu trên ông vẫn chưa trả hết nợ thì ông đồng ý để Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp theo quy định để thu hồi nợ.

- Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan các ông Nguyễn Trung H, Trịnh Gia L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đến Tòa nên không có lời trình bày.

- Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn hiện đang sinh sống, cư trú tại thành phố N nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Hợp đồng cho vay số 230/2022-HĐCV/OCEANBANK.CNNHA TRANG ngày 16/12/2022, các Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay trên và Đề nghị phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế O ngày 12/01/2023, đính kèm Điều kiện, điều khoản sử dụng thẻ tín dụng quốc tế O, được lập giữa nguyên đơn Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên V và bị đơn ông Phạm Văn T1 trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, mục đích và nội dung của hợp đồng phù hợp quy định tại các Điều 116, 117, 119 của Bộ luật dân sự năm 2015, các Điều 90, 91, 94, 118 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên có giá trị pháp lý, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng.

Tại bản tự khai ngày 30/12/2024, bị đơn ông T1 thừa nhận số tiền vay, số tiền đã thanh toán, số tiền còn nợ như đại diện hợp pháp của Ngân hàng trình bày, thừa nhận trong quá trình thực hiện hợp đồng đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo như cam kết tại các Hợp đồng đã ký kết và đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng đề nghị gia hạn thời hạn tất toán cả hai khoản vay chậm nhất vào ngày 31/3/2025, tuy nhiên đến nay, ông T1 vẫn không thực hiện đúng cam kết nêu trên.

Xét thấy việc ông T1 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền vay, tiền lãi đúng hạn cho Ngân hàng là vi phạm các thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết, xâm phạm đến quyền lợi chính đáng của Ngân hàng; các bên có thỏa thuận về việc Ngân hàng có quyền áp dụng các biện pháp xử lý nợ để thu hồi nợ trước hạn trong trường hợp bị đơn vi phạm một trong các kỳ trả nợ. Vì vậy, việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T1 phải thanh toán từ các hợp đồng trên là có căn cứ.

[2.2] Tổng số tiền mà ông T1 còn nợ của Ngân hàng tính đến hết ngày 26/5/2025 là **1.168.074.098** đồng, cụ thể như sau:

- Đối với Hợp đồng cho vay số 230/2022-HĐCV/OCEANBANK. CNNHATRANG ngày 16/12/2022 và các Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay: Dư nợ 1.120.973.534 đồng (*trong đó, nợ gốc là 978.571.423 đồng; lãi trong hạn là 137.832.093 đồng, lãi quá hạn là 1.247.202 đồng, tiền phạt trên lãi chậm trả là 3.322.816 đồng*).

- Đối với Thẻ tín dụng số 4364 xxx 5241, số tài khoản 56056000104800061 theo Đề nghị phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế O ngày 12/01/2023, đính kèm Điều kiện, điều khoản sử dụng thẻ tín dụng quốc tế O: Dư nợ 47.100.555 đồng (*trong đó, nợ gốc là 37.749.116 đồng; lãi quá hạn là 9.351.439 đồng*)

Về tiền nợ gốc và nợ lãi: Căn cứ theo bảng kê tính lãi và các Quyết định điều chỉnh lãi suất từng thời kỳ tương ứng với từng khoản vay thấy rằng việc tính lãi của Ngân hàng được thực hiện theo đúng hợp đồng, phù hợp theo từng giai đoạn điều chỉnh lãi suất, phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng nên có căn cứ để buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn như trên.

Về tiền phạt trên lãi chậm trả: Tại khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định về việc xác định lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng được xác lập sau ngày 01/01/2017 gồm: Lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả, Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả và trường hợp người đi vay không trả đúng hạn tiền lãi trên nợ gốc theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng thì phải trả lãi chậm trả. Theo điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 quy định: “Trường hợp khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi trên nợ gốc theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất giới hạn mà pháp luật quy định tương ứng với thời gian chậm trả lãi trên nợ gốc trong hạn”. Theo điểm a, điểm b khoản 4 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N quy định khách hàng phải trả tiền lãi vay như sau: “a. lãi trên nợ gốc theo lãi suất cho vay đã thỏa thuận tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; b. trường hợp khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi theo quy định tại điểm a khoản này thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận nhưng không vượt quá 10%/năm tính trên số dư nợ lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả”. Căn cứ các quy định trên, có căn cứ để buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tiền phạt trên lãi chậm trả tính đến thời điểm xét xử là 3.322.816 đồng.

Từ các phân tích trên, căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 90, 91 của Luật các tổ chức tín dụng và Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ phải thanh toán số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt trên lãi chậm trả như trên cho Ngân hàng và tiếp tục phải chịu lãi phát sinh theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận kể từ

ngày tiếp theo của ngày xét xử (ngày 27/5/2025) cho khoản nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[2.2] Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

Tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất 230/2022-HĐTC/OCEAN BAN K.CNNHATRANG ngày 16/12/2022, Ngân hàng và ông T1 thỏa thuận tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 75, tờ bản đồ số 6, tại địa chỉ: G đường B, phường V (nay là phường V), thành phố N; đồng thời thỏa thuận tài sản trên được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của ông T1 tại Hợp đồng cho vay số 230/2022-HĐCV/OCEANBANK.CNNHATRANG ngày 16/12/2022 và các Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay. Còn đối với khoản vay Thẻ tín dụng số 4364 xxx 5241, số tài khoản 56056000104800061 thì Ngân hàng cho ông T1 vay vốn không có tài sản đảm bảo.

Tại buổi xem xét, thẩm định tại chỗ vào ngày 08/01/2025, nguyên đơn, bị đơn đều xác định tài sản thế chấp vẫn giữ nguyên hiện trạng như thời điểm các bên ký kết hợp đồng thế chấp; đồng thời phát sinh thêm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là những người đang sinh sống trên nhà đất thế chấp. Theo lời trình bày của ông Nguyễn Trung H tại buổi xem xét, thẩm định tài sản thì nhà, đất tại địa chỉ: G đường B, phường V, thành phố N có nguồn gốc do là cụ bà Nguyễn Thị L1 (*là bà nội của ông H*) tạo lập, sau đó cụ Lý T2 cho cháu ruột là ông Trịnh Lê H1; ông Hậu sinh S tại nhà, đất trên cùng ông Trịnh Gia L từ khi sinh ra đến nay; quá trình sử dụng đất, ông H không tạo lập, tôn tạo, sửa chữa đối với tài sản trên và không biết sự việc ông T1 thế chấp nhà, đất trên để vay vốn tại Ngân hàng. Theo kết quả xác minh ngày 14/02/2025 do Công an phường V cung cấp thì hiện nay chỉ một mình ông L sinh sống trên nhà, đất trên; còn ông H đã chuyển đi nơi khác sinh sống, thỉnh thoảng mới về thăm ông L.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông H, ông L, cũng như đã tổng đạt hợp lệ văn bản yêu cầu ông H, ông L trình bày ý kiến liên quan đến việc nguyên đơn có yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, tuy nhiên ông H, ông L không có ý kiến hay yêu cầu gì liên quan đến vấn đề trên. Vì vậy, Tòa án xem xét, giải quyết yêu cầu của nguyên đơn liên quan đến tài sản thế chấp theo thủ tục chung. Trường hợp sau này bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phát sinh tranh chấp liên quan đến quan đến nhà, đất tại địa chỉ: G đường B, phường V, thành phố N thì có quyền khởi kiện trong vụ án khác để được giải quyết theo quy định.

Xét việc ông T1 thế chấp tài sản là hoàn toàn tự nguyện; tài sản thế chấp là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của bên thế chấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất vào sổ cấp

GCN số CS 00371 ngày 13/12/2022 đứng tên ông Phạm Văn T1; nội dung, hình thức hợp đồng thế chấp được thực hiện đúng quy định của pháp luật và đã đăng ký giao dịch đảm bảo tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Vì vậy, hợp đồng thế chấp nêu trên đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tại các Điều 293, 295, 298 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Do đó, khi đến thời hạn trả nợ, nếu ông T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ đối với khoản vay tại Hợp đồng cho vay số 230/2022-HĐCV/OCEANBANK.CNNHATRANG ngày 16/12/2022 và các Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp nêu trên để bảo đảm thu hồi nợ theo thỏa thuận tại Điều 5 Hợp đồng thế chấp, phù hợp quy định tại khoản 7 Điều 323 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về chi phí xem xét, thẩm định: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định trong vụ án là 3.000.000 đồng theo quy định. Bị đơn có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng chi phí tố tụng là 3.000.000 đồng.

[5] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận (đối với tổng số tiền là 1.168.074.098 đồng) theo quy định Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. H2 lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 319, 321, 322, 323, 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 91 và 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.
- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên V đối với bị đơn ông Phạm Văn T1. Cụ thể:

1.1. Buộc ông Phạm Văn T1 phải thanh toán cho Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên V Hiện Đại số tiền nợ theo Hợp đồng cho vay số 230/2022-HĐCV/OCEANBANK.CNNHATRANG ngày 16/12/2022 và các Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay trên tính đến hết ngày 26/5/2025 là **1.120.973.534** đồng (trong đó, nợ gốc là 978.571.423 đồng; lãi trong hạn là 137.832.093 đồng, lãi quá hạn là 1.247.202 đồng, lãi phạt chậm trả là 3.322.816 đồng).

1.2. Buộc ông Phạm Văn T1 phải thanh toán cho Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên V Hiện Đại số tiền nợ của Thẻ tín dụng số 4364 xxx 5241, số tài khoản 56056000104800061 theo Đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế O ngày 12/01/2023, đính kèm Điều kiện, điều khoản sử dụng thẻ tín dụng quốc tế O tính đến hết ngày 26/5/2025 là **47.100.555** đồng (trong đó, nợ gốc là 37.749.116 đồng; lãi quá hạn là 9.351.439 đồng).

1.3. Kể từ ngày 27/5/2025, ông T1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán và tiền lãi chậm trả của số tiền lãi trong hạn chưa trả theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

1.4 Trường hợp ông Phạm T1 không trả nợ được hết số nợ của Hợp đồng cho vay số 230/2022-HĐCV/OCEANBANK.CNNHATRANG ngày 16/12/2022 và các Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng trên thì Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên V có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 230/2022-HĐTC/OCEANBANK.CN NHATRANG ngày 16/12/2022 là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 75, tờ bản đồ số 6, tại địa chỉ: G đường B, phường V (nay là phường V), thành phố N, tỉnh Khánh Hòa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất vào sổ cấp GCN số CS00371 ngày 13/12/2022 đứng tên ông Phạm Văn T1.

Ông Phạm Văn T1, ông Trịnh Gia L và ông Nguyễn Trung H có trách nhiệm bàn giao lại tài sản thế chấp trên cho Ngân hàng. Sau khi nhận đủ số tiền nợ trên, Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên V có trách nhiệm trả lại bản chính giấy tờ liên quan đến tài sản bảo đảm nợ vay nói trên cho ông T1.

2. Về chi phí tố tụng: Bị đơn ông Phạm Văn T1 có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên V Hiện Đại 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp.

3. Về án phí: Ông Phạm Văn T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 47.042.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu không trăm bốn mươi hai nghìn đồng).

H2 lại cho Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên V Hiện Đại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 22.174.000 đồng (*Hai mươi hai triệu một trăm bảy mươi bốn nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền số 0003312 ngày 19/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nha Trang.

4. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Quy định chung: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND TP. Nha Trang;
- Chi cục THADS TP. Nha Trang;
- Các đương sự;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Bảo Trâm